

Bản án số: 19/2019/DSST  
Ngày : 11 – 4 – 2019  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

**- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đức Lễ - C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2018/TLST-DS ngày 24/9/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-DS ngày 23/02/2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T - Sinh năm: 1983 (có mặt).  
Trú tại: Thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc U – sinh năm: 1989 (Có mặt)  
Trú tại: Số nhà xx, Thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đinh Thị H (Vắng mặt).  
Trú tại: Số nhà xx Thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Dương Văn T – sinh năm: 1982 (Có mặt).  
Trú tại: Thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Trường G – sinh năm: (Có mặt).  
Trú tại: Số nhà y tổ z, thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Trần Văn Đ– sinh năm: (Vắng mặt).

Trú tại: Số nhà z thôn y, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Ngọc U có mối quan hệ là anh em họ hàng với nhau. Ngày 12/6/2018, tôi cho anh Nguyễn Ngọc U vay số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không tính lãi suất. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 12/9/2018 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền đã vay. Tuy nhiên, đến hạn anh U không thanh toán cho tôi. Khoản vay này do một mình anh Nguyễn Ngọc U vay, vợ của anh U là chị Đinh Thị H không tham gia và cũng không biết. Đồng thời, đây cũng là tiền tôi cho vay riêng, không liên quan đến chồng tôi là anh Dương Văn T.

Vậy, nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình anh Nguyễn Ngọc U có trách nhiệm thanh toán cho tôi số tiền đã vay gốc là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà Nguyễn Ngọc U mang trả tại nhà của tôi vào khoảng tháng 12/2018 (âm lịch) là số tiền U vay riêng của chồng tôi là Dương Văn T. Số tiền này không liên quan đến số tiền 70.000.000 đồng mà U đã vay của tôi. Khi anh U mang trả số tiền này thì tôi là người nhận trực tiếp nhưng hai bên không viết giấy tờ gì.

**Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc U trình bày:** Tôi và cô Lê Thị T có mối quan hệ là anh em họ hàng. Trong thời gian làm ăn, tôi có vay của cô T 50.000.000 đồng, hai bên không viết giấy vay và hẹn 01 tháng sẽ thanh toán. Đồng thời, tôi đã trả 5.000.000 đồng tiền lãi suất cho khoản vay trên. Đến hạn thanh toán, tôi chưa trả được nợ như đã hẹn nên cô T đã có hành vi đe dọa, cưỡng ép tôi phải viết lại giấy nợ từ 50.000.000 đồng lên thành 70.000.000 đồng. Cô T nhiều lần đe dọa tôi, xong do điều kiện kinh tế và làm ăn gặp khó khăn nên tôi chưa thanh toán được cho cô T khoản tiền nào.

Đến khoảng tháng 12/2018 (Âm lịch), tôi cùng cháu là Nguyễn Trường G có mang số tiền 20.000.000 đồng trả trực tiếp cho cô T tại nhà của T. Số tiền này là trả cho khoản vay 70.000.000 đồng theo giấy vay ngày 12/6/2018. Khi trả tiền chúng tôi không có viết giấy tờ gì vì cô T nói giấy vay đã nộp cho Tòa án rồi. Tại thời điểm trả tiền chỉ có tôi, G và vợ chồng cô T ở nhà. Ngoài khoản vay theo giấy vay ngày 12/6/2018 ra tôi không còn vay thêm bất cứ khoản vay nào của vợ chồng cô T. Nay cô T khởi kiện tôi, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và tôi chỉ đồng ý trả số tiền là 50.000.000 đồng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T trình bày:** Tôi và cô Lê Thị T có mối quan hệ là vợ chồng. Anh Nguyễn Ngọc U là anh em họ hàng bên phía vợ tôi. Trong quá trình sinh sống, anh Nguyễn Ngọc U có vay tiền của vợ chồng tôi nhiều lần. Mỗi lần vay thì vay với số tiền ít nên anh U cũng đã trả cho vợ chồng

tôi. Đối với số tiền 70.000.000 đồng thì vợ tôi là người cho anh Nguyễn Ngọc U vay trực tiếp, khi cho vay tôi không biết. Nhưng sau đó, vợ tôi có nói cho tôi được biết. Vào ngày 12/6/2018, khi anh U viết giấy vay cho vợ tôi thì tôi cũng không có mặt ở nhà. Đối với số tiền này, vợ tôi khởi kiện tôi không có ý kiến gì vì là tiền vợ tôi cho vay, không liên quan đến tôi. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh U trả số tiền 70.000.000 đồng cho vợ tôi là Lê Thị T.

Mặt khác, vào khoảng tháng 11/2018 (Âm lịch) Nguyễn Ngọc U tiếp tục vay thêm của riêng tôi số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền này không liên quan đến số tiền 70.000.000 đồng mà anh U đã vay của vợ tôi. Khi cho vay, do tin tưởng nên tôi và anh U không viết giấy tờ gì cho nhau và không có ai chứng kiến. Cho đến khoảng gần 01 tháng trước tết âm lịch năm 2018 thì anh Nguyễn Ngọc U có mang số tiền 20.000.000 đồng đến trả cho tôi vào số tiền đã vay riêng của tôi là 20.000.000 đồng. Tại thời điểm trả tiền, anh U đi cùng một người cháu tên G đến và có cả hai vợ chồng tôi ở nhà. Xong do tôi đang bận sửa xe nên anh U đưa tiền cho vợ tôi. Mặt khác, do đứng hơi xa nên tôi không biết giữa vợ tôi và anh Nguyễn Ngọc U nói với nhau những nội dung gì. Việc trả tiền hai bên cũng không lập giấy tờ gì.

**Người làm chứng anh Trần Văn Đ trình bày:** Tôi có mối quan hệ là bạn bè với anh Nguyễn Ngọc U và là hàng xóm với chị Lê Thị T. Ngoài ra chúng tôi không có mối quan hệ nào khác. Vào buổi chiều tối một ngày trong khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2018 (tôi không nhớ rõ ngày tháng nào) tôi đi một mình đến nhà chị Lê Thị T để sửa xe. Khi đến nơi tôi có thấy Nguyễn Đình T, Phùng Xuân D và một số người nữa cũng đang ngồi ở trong nhà chị T. Khi đang đứng sửa xe thì anh U và chị T có gọi tôi vào để làm chứng về chuyện anh U vay tiền của chị T. Trước đó, anh U và chị T đã nói với nhau những gì thì tôi không biết vì lúc đó tôi còn đứng ở ngoài. Khi tôi vào, anh U và chị T hỏi nhau viết giấy như thế nào và có hỏi tôi thì tôi bày cho anh U viết. Nội dung giấy vay do anh U tự ghi. Tôi không thấy có dấu hiệu cãi vã, tranh chấp hay ép buộc gì. Số tiền 70.000.000 đồng là do anh U tự viết. Tôi chỉ biết là tôi làm chứng cho việc anh U viết giấy như trên và ký vào giấy vay cùng anh U và chị T. Còn nội dung cụ thể, các bên trao đổi như thế nào thì tôi không biết. Tôi cam đoan các nội dung trên là đúng sự thật.

**Người làm chứng anh Nguyễn Trường G trình bày:** Tôi có mối quan hệ họ hàng với ông Nguyễn Ngọc U và bà Lê Thị T. Việc vay mượn giữa ông Nguyễn Ngọc U và bà Lê Thị T như thế nào thì tôi không biết. Tuy nhiên, vào khoảng cuối năm 2018, tôi có đưa cho ông Nguyễn Ngọc U vay số tiền là 20.000.000 đồng để trả nợ cho bà T. Việc trả nợ diễn ra tại nhà của bà Lê Thị T, tại thời điểm đó có bà T, chồng bà T là Dương Văn T, ông U và tôi cùng các con của bà T. Ông U và bà T có nói với nhau là 20.000.000 đồng trừ vào số tiền 70.000.000 đồng mà ông U đã vay. Còn lại 50.000.000 đồng hẹn vào tháng 02 âm lịch năm sau. Quá trình trả tiền, giữa ông U, bà T, ông T không ai đề cập đến số tiền vay riêng nào khác. Ngoài ra tôi không chứng kiến sự việc nào khác.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.***

Tại bản kết luận giám định số 131/PC09 ngày 29/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc U dưới mục “người mượn” trong giấy vay tiền đề ngày 12/6/2018 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Ngọc U trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày quan điểm: - Về chấp hành pháp luật tố tụng:*** Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định: Anh Nguyễn Ngọc U có vay của chị Lê Thị T số tiền là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 12/2018 (Âm lịch) anh Nguyễn Ngọc U có giao trả cho chị Lê Thị T số tiền 20.000.000 đồng trong số tiền đã vay 70.000.000 đồng. Chị Lê Thị T và anh Dương Văn T xác định số tiền này là tiền anh U vay riêng của anh T. Xong, chị T và anh T không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến trên. Do vậy, đã có đủ căn cứ để xác định anh Nguyễn Ngọc U đã trả cho chị Lê Thị T số tiền 20.000.000 đồng trong tổng số tiền đã vay là 70.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T. Buộc anh Nguyễn Ngọc U có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị T số tiền là 50.000.000 đồng. Về lãi suất: chị Lê Thị T không yêu cầu tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời khai nhận của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc U có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau. Xét về số tiền gốc đã vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại giấy vay nợ đề ngày 12/6/2018, ông Nguyễn Ngọc U vay của bà Lê Thị T số tiền 70.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc U cho rằng ông chỉ vay số tiền là 50.000.000 đồng và đã trả được 5.000.000 đồng tiền lãi suất, đồng thời việc viết giấy là do bị ép buộc. Tuy nhiên, ông U không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định số tiền ông U đã vay của bà T là 70.000.000 đồng.

Xét ý kiến của các đương sự về số tiền 20.000.000 đồng ông Nguyễn Ngọc U đã trả, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa các đương sự đều thừa nhận vào khoảng tháng 12/2018 (Âm lịch) ông Nguyễn Ngọc U đã giao trả cho bà Lê Thị T số tiền là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Lê Thị T và ông Dương Văn T không thừa nhận số tiền này trả trong khoản tiền 70.000.000 đồng mà xác định đây là số tiền trả cho khoản vay riêng của ông Dương Văn T. Xong, ông T và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến khoản tiền ông U vay riêng của ông T. Do vậy, có căn cứ để xác định ông Nguyễn Ngọc U đã trả cho bà Lê Thị T số tiền là 20.000.000 đồng trong tổng số tiền đã vay 70.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc U còn nợ lại của bà Lê Thị T số tiền là 50.000.000 đồng.

Mặt khác, bà Lê Thị T không yêu cầu buộc vợ của ông Nguyễn Ngọc U là bà Đinh Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền đã vay. Ông Dương Văn T xác định số tiền 70.000.000 đồng không liên quan đến ông và đề nghị giải quyết theo đúng yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T. Về lãi suất: bà Lê Thị T không yêu cầu tính lãi suất.

Từ những nhận định nêu trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T. Buộc ông Nguyễn Ngọc U có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị T số tiền đã vay còn nợ lại 50.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Ngọc U tại giấy vay tiền đề ngày 12/6/2018. Việc giám định đã thực hiện xong với số tiền chi phí là 4.320.000 đồng. Bà Lê Thị T đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.000.000 đồng theo biên lai số 156 ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và đã được nhận lại số tiền còn dư lại 680.000 đồng. Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng không được chấp nhận, nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự

- Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc ông Nguyễn Ngọc U có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng ( Năm mươi triệu đồng). Bà Lê Thị T không yêu cầu tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

- *Về án phí:* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc U phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định.

Bà Lê Thị T phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự được khấu trừ vào số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho Bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 750.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0008123 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Lê Thị T còn được nhận lại số tiền 4.320.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Nguyễn Ngọc U.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hải An**